

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Chúng;
Ông Huỳnh Thanh Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Ngọc H**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ 15, ấp VB, xã VT, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn H1**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp VB, xã VT, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà H, ông H1 đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo, bà H trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông H1 xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT vào ngày 06/7/2007. Do trong đời sống chung có nhiều mâu thuẫn, ông H1 thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc không chăm lo gia đình và có thái độ xem thường, sỉ nhục bà nên bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống và đã sống ly thân hơn 02 tháng nay, yêu cầu giải Q1ết cho ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung tên Trần Trọng Q sinh ngày 20/11/2010 và Trần Trọng Q1 sinh ngày 11/8/2016, ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung và ông H1 phải cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng/02 con, nếu ông H1 đòi nuôi con thì phải cho bà thăm con và xin không cấp dưỡng.

Tài sản chung: Có căn nhà cất trên nền đất cha bà cho nhưng chưa có giấy chứng nhận QSDĐ, trị giá nhà 60.000.000 đồng, ly hôn yêu cầu chia đôi tài sản.

Nợ chung: Không có.

Ông H1 trình bày tại phiên hoà giải như sau: Thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông H1 cho biết đúng là có cờ bạc, ăn nhậu như lời bà H trình bày nhưng hiện nay ông không còn ăn chơi nữa. Ông cho biết vợ chồng thường cự cãi nhau do bất đồng quan điểm, nhưng do có lần bà H chửi mẹ ông bằng lời lẽ thô tục nên ông có mắng chửi lại. Nay không đồng ý ly hôn và chờ khi con lớn thì sẽ ly hôn. Hiện vợ chồng không còn chung sống hơn 02 tháng nay và ông đang nuôi dưỡng 02 con. Nếu Toà án xử cho ly hôn thì ông xin nuôi dưỡng 02 con chung và không cần cấp dưỡng, bà H cứ việc thăm nom con bình thường.

Tài sản chung: Đúng như bà H trình bày nhưng ông không yêu cầu chia. Nợ chung: Không có nợ ai.

Cháu Trần Trọng Q trình bày: Cháu là con ruột của ông H1 và bà H. Hiện đang sống với cha. Cháu không muốn cha mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo Q1 định, tại phiên hoà giải bà H rút lại yêu cầu chia tài sản chung, đồng ý giao 02 con chung hiện đang sống với ông H1 cho ông tiếp tục nuôi dưỡng

Tại phiên tòa bà H bảo lưu ý kiến như đã trình bày tại phiên hòa giải, cho biết hiện vợ chồng không còn chung sống khoảng 04 tháng nay.

Ông H1 trình bày: Ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do ông cho tiền góp, bị thiếu nợ nhưng vợ không hiểu, cho là ông ăn chơi nên xảy ra cãi vã. Ông cũng cho biết thời gian không còn sống chung có nhờ người lớn qua gặp bà H hàn gắn, khuyên can nhưng bà H không chịu về sống lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H1. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của ông H1 và bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, theo bà H nguyên nhân bà xin ly hôn là do ông H1 ăn chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông H1 và gia đình ông có thái độ, lời lẽ sỉ nhục, xem thường bà nên bà có dùng lời lẽ thô tục mắng chửi lại mẹ chồng. Sự việc được ông H1 xác nhận nhưng ông cho rằng mình đã tu chính, không còn cờ bạc, rượu chè nữa. Về thời gian không còn chung sống các đương sự đều thống nhất là trên 02 tháng và trong khoảng thời gian này cả hai người không có liên lạc qua lại cũng như chủ động hàn gắn lại tình cảm vợ chồng.

Xét thấy: Mặc dù ông H1 không đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông không đưa ra được căn cứ để chứng minh ông chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng trong thời gian không còn sống chung và bản thân ông cũng cho biết hiện tại thì không đồng ý ly hôn nhưng sau này khi con lớn thì sẽ ly hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông H1 cũng xác nhận việc bà H có dùng lời lẽ thô tục mắng chửi mẹ ông, vợ chồng thường cự cãi nhau. Từ đó có căn cứ cho thấy đời sống hôn nhân của ông bà không đạt được, mâu thuẫn là trầm trọng và cả hai người trong đời sống hôn nhân không có sự tôn trọng nhau nên cần cho ông, bà ly hôn.

[3] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà H đồng ý giao 02 con chung hiện đang sống với ông H1 cho ông nuôi dưỡng, xin không cấp dưỡng và được ông H1 chấp nhận. Xét thấy: Mặc dù cháu Q không nêu rõ nguyện vọng là sống với cha hay mẹ trong trường hợp cha, mẹ ly hôn nhưng hiện tại cháu đang sống với cha là ông H1; đối với cháu Q1 mặc dù chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng bà H và ông H1 đều thoả thuận với nhau về việc ông H1 sẽ là người trực tiếp nuôi con nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao 02 cháu Q và Q1 cho ông H1 nuôi dưỡng.

Vì sự phát triển của con, Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên khi có yêu cầu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông H1 không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu xem xét về phần tài sản chung cũng như nợ chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Trương Ngọc H và ông Trần Văn H1 được ly hôn.

- Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Trần Trọng Q sinh ngày 20/11/2010 và Trần Trọng Q1 sinh ngày 11/8/2016, đang sống chung với ông H1 cho ông tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, ông H1 và người thân trong gia đình không được cản trở quyền thăm nom con chung của bà H.

Vì sự phát triển của con, theo yêu cầu của cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Q1ền Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng, thay đổi người nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của bà H.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 1.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010879 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà H được hoàn lại 850.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được Q1ền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã VT H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo